

CHUYỂN ĐỔI ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC Ở CÁC TRƯỜNG NGOÀI CÔNG LẬP VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG SANG ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG NGHỀ NGHIỆP

Trần Hữu Xinh²

Tóm tắt: Vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện có 7 trường Đại học tư thục với hơn 50 nghìn sinh viên (chiếm tỷ lệ 10%). Những năm qua, các trường tư thục đã đạt được điểm mạnh nổi bật về cơ sở vật chất, tinh linh hoạt trong đào tạo, đã góp phần quan trọng cung cấp nguồn nhân lực cho vùng. Tuy vậy, các trường đại học tư thục đã và đang gặp phải các hạn chế như: các ngành nghề đào tạo chưa có gì khác biệt so với đại học công, chương trình đào tạo chưa đảm bảo ra làm việc hiệu quả, chưa xác định rõ, đào tạo theo định hướng nghiên cứu hay định hướng ứng dụng nghề nghiệp, cùng với hành lang pháp lý chưa đồng bộ đã nảy sinh nhiều khó khăn trong phát triển các trường. Nghiên cứu chỉ ra rằng, các trường cần chuyển đổi đào tạo theo định hướng ứng dụng nghề nghiệp (POHE), vì các ích lợi của POHE, một số mô hình đào tạo trên thế giới và Việt Nam đã thành công khi chuyển sang POHE. Từ đó, chỉ ra các trường tư thục của vùng, thực hiện từng bước để chuyển đổi sang mô hình đào tạo định hướng ứng dụng nghề nghiệp để phù hợp nhu cầu xã hội và năng lực cốt lõi của mình. Nghiên cứu cũng đã gợi ý một số ngành đào tạo như du lịch, khách sạn, kế toán, ngân hàng - tài chính, kinh doanh quốc tế, luật kinh tế,... cần sớm chuyển sang mô hình đào tạo định hướng ứng dụng đến năm 2020.

Từ khóa: Giáo dục, Đào tạo; Đào tạo ứng dụng, nguồn nhân lực.

Abstract: The study confirmed the strengths and limitations of the Mekong private universities over the past few years. At the same time emphasizes the need to change to a Profession-Oriented Higher Education (POHE). The study has outlined the characteristics of POHE, the benefits of POHE, some training models in the world and traditional training in Vietnam have moving towards POHE. The study also shows the steps for private universities in the Mekong River Delta in the South applying POHE and suggestions in application of POHE in some disciplines such as tourism, hospitality, accounting, finance - banking, international business, economic law and vision 2020.

Keywords: Education, Training, Profession-Oriented Higher Education, Human resource management

² Tiến sĩ - Trường Đại học Nam Cần Thơ

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày một sâu rộng, cần phải thay đổi sâu sắc cách nhìn, cách nghĩ, cách làm và cách thức đào tạo về nguồn nhân lực ở bậc đại học, sau đại học cho tất cả hệ thống giáo dục đại học Việt Nam, trong đó có các trường tư thục các tỉnh vùng ĐBSCL.

Vấn đề đặt ra hiện nay cho giáo dục và đào tạo Việt Nam nói chung và các trường tư thục nói riêng là làm sao để nguồn nhân lực có đủ năng lực thực sự, trong việc biến tài nguyên đất nước ở dạng tiềm năng đa dạng, phong phú thành sản phẩm ngày càng gia tăng giá trị cho người tiêu dùng, cho doanh nghiệp, cho xã hội.

Vùng ĐBSCL bao gồm 13 tỉnh thành phố (An Giang, Long An, Bến Tre, Bạc Liêu, Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long). Tổng diện tích các tỉnh thuộc ĐBSCL là 40.548 km² với tổng số dân các tỉnh trong vùng là 17 triệu người (Tổng cục Thống kê Việt Nam năm 2015). Đây là vùng kinh tế, văn hóa, chính trị trọng điểm khu vực phía Nam, nối liền với TP. Hồ Chí Minh và miền Đông Nam Bộ, có đường giao thông hàng hải và hàng không quốc tế quan trọng. Hiện nay, vùng có 7 trường tư thục bao gồm: Đại học Nam Cần Thơ, Đại học Tây Đô, Đại học Cửu Long, Đại học kinh tế công nghiệp Long An, Đại học Võ Trường Toản và Đại học Đồng Bằng Sông Cửu Long.

Những năm qua, các trường tư thục đã đạt được điểm mạnh nổi bật về cơ sở vật chất, tính linh hoạt trong đào tạo, đã góp phần quan trọng cung cấp nguồn nhân lực cho vùng. Tuy vậy, các trường đại học tư thục đã và đang gặp phải một số hạn chế như: các ngành nghề đào tạo, chương trình đào tạo chưa có gì khác biệt so với các trường nhà nước, chưa xác định rõ ràng đào tạo theo định hướng nghiên cứu hay định hướng ứng dụng nghề nghiệp, cùng với hành lang pháp lý chưa đồng bộ đã nảy sinh nhiều bất cập trong quản lý. Vì vậy, cần nghiên cứu để chỉ rõ bằng cách nào để các trường tư thục phát triển bền vững trong một thế giới cạnh tranh ngày càng khốc liệt. Nghiên cứu "*Chuyển đổi đào tạo nguồn nhân lực ở các trường ngoài công lập vùng đồng bằng sông Cửu Long sang định hướng ứng dụng nghề nghiệp đến năm 2020*" nhằm mục tiêu đó.

Nghiên cứu này dùng nghiên cứu định tính, dựa trên phỏng vấn chuyên gia, các nhà quản lý ngành của ngành giáo dục và lãnh đạo các trường tư của vùng. Đồng thời sử dụng một số kết quả nghiên cứu định lượng dựa trên khảo sát mẫu 230 sinh viên đã tốt nghiệp năm học 2016-2017, tất cả các ngành. Phương pháp thống kê mô tả được sử dụng để mô tả đặc điểm đối tượng phỏng vấn, và sự hài lòng của người học. Mặt khác nghiên cứu này cũng đã kế thừa các dữ liệu thứ cấp liên quan đến nguồn nhân lực của vùng, chọn lọc một số nội dung trong các bài nghiên cứu của một số tác giả về mô hình đào tạo theo định hướng ứng dụng (POHE) và sử dụng phương pháp diễn dịch - qui nạp để đi từ những lý luận chung, mô hình chung đến mô hình đào tạo cho một số ngành theo định hướng ứng dụng (POHE).

2. Kết quả nghiên cứu

2.1 Qua khảo sát cho thấy, sinh viên cơ bản hài lòng về chất lượng đào tạo tại Trường Đại học Tây Đô, Trường đại học Nam Cần Thơ, trên các mặt sau:

- Cơ sở vật chất

Đối với yếu tố cơ sở vật chất, sự hài lòng chỉ ở mức trung bình, sinh viên cho rằng phòng học chưa trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ học tập và nguồn tài liệu tham khảo ở thư viện chưa đa dạng.

Bảng 1: Đối với Cơ sở vật chất, trang thiết bị

	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Phòng học rộng rãi và thoáng mát.	3,06	1,481
Phòng học đảm bảo yêu cầu về chỗ ngồi	3,04	1,416
Phòng học được trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ học tập	3,01	1,505
Thư viện đảm bảo không gian, chỗ ngồi học tập, nghiên cứu	3,10	1,461
Thư viện có nhiều máy vi tính đáp ứng nhu cầu học tập và thực hành	3,21	1,393
Thư viện có nguồn tài liệu tham khảo đa dạng	3,04	1,479
Khuôn viên trường rộng rãi, sạch sẽ, thoáng mát	3,37	1,399
Bãi đậu xe rộng rãi, thuận lợi cho học viên	3,23	1,412
Lối đi hành lang rộng rãi, hệ thống chiếu sáng tốt cả về đêm	3,37	1,414

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu

Lý do sinh viên đưa ra là một số môn học đòi hỏi thao tác trên máy vi tính, nhưng tại phòng học thì chưa có bố trí, học viên phải mang laptop theo, vừa nặng vừa cồng kềnh, những ngày trời mưa rất khó khăn. Đối với thư viện, học viên cần nhiều nguồn sách ngoại văn, nhưng hiện tại nguồn sách ngoại văn của thư viện còn hạn chế.

- Chương trình đào tạo

Đối với chương trình đào tạo, sinh viên hài lòng tương đối cao, học viên cho rằng chương trình đào tạo rất phù hợp với nhu cầu và bản thân của sinh viên, phù hợp với thực tiễn xã hội. Chương trình đào tạo có một số môn mới so với các trường khác, kiến thức giảng dạy hữu ích.

Bảng 2: Đối với Chương trình đào tạo

	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Mục tiêu đào tạo rõ ràng và phù hợp với ngành học	3,84	1,156
Nội dung chương trình đào tạo được cập nhật, đổi mới phù hợp thực tiễn	3,81	1,200
Phân bố hợp lý giữa lý thuyết và thực hành	3,80	1,225
Bố trí thời gian học linh hoạt, thuận lợi cho học viên	3,78	1,158

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu

- Sự quan tâm của nhà trường

Sinh viên hài lòng với sự quan tâm của nhà trường, đây là yếu tố đạt được sự hài lòng của học viên nhiều hơn so với vài yếu tố khác. Sinh viên cho rằng khi thực hiện các đề tài, chuyên đề kết thúc môn, khi có bất cứ khó khăn nào cần giải đáp, giảng viên cũng hướng dẫn nhiệt tình, độ phản hồi của giảng viên rất nhanh và cung cấp kiến thức rất chuyên sâu và chính sách. Các chính sách của nhà trường luôn hỗ trợ học viên rất nhiều, từ cơ sở vật chất đến những vấn đề nhỏ nhặt nhất trong việc học như cuốn tập, cây viết. Nhà trường còn thường xuyên cấp những suất học bổng nhỏ để nâng cao động lực học tập cho những học viên học tốt.

Bảng 3: Sự quan tâm của nhà trường đối với sinh viên

	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Nhà trường luôn đáp ứng kịp thời các yêu cầu của học viên về cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập, nghiên cứu	4,16	1,028
Thực hiện tốt công tác bảo vệ an ninh trật tự của nhà trường	4,12	1,067
Học viên được thông báo đầy đủ kế hoạch giảng dạy, kế hoạch thực hiện đề tài, các tiêu chí đánh giá kết quả học tập và rèn luyện	4,15	0,999
Học viên được nhà trường hỗ trợ tốt trong suốt quá trình thực hiện các đề tài, luận văn.	4,19	0,968

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu

- Năng lực giảng viên

Năng lực giảng dạy của giảng viên được học viên khá hài lòng. Sinh viên cho rằng giảng viên có kiến thức chuyên môn sâu và kỹ năng truyền đạt rất tốt, dễ hiểu. Bên cạnh đó, trong quá trình dạy và học giảng viên cũng phối hợp nhiều phương pháp giảng dạy khác nhau làm không khí lớp học thêm nhiều phần hứng khởi. Trong việc ra đề kiểm tra, thi cử và đánh giá kết quả học tập cũng rất chính xác với năng lực của sinh viên và đảm bảo sự công bằng.

Bảng 5: Về năng lực, kỹ năng, kiến thức của các giảng viên

	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Kiến thức chuyên môn sâu rộng	3,95	1,103
Kỹ năng truyền đạt tốt, dễ hiểu	4,00	1,143
Phối hợp nhiều phương pháp giảng dạy khác nhau	3,95	1,169
Đánh giá kết quả học tập chính xác.	3,91	1,161

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu

- Các nhân viên bộ phận phục vụ

Cán bộ - nhân viên khối quản lý và văn phòng trong trường cũng rất nhiệt tình đối với sinh viên. Đây là lý do làm cho học viên hài lòng với yếu tố này nhất. Quan sát đạt được sự hài lòng cao nhất là “Cán bộ quản lý giải quyết các vấn đề của sinh viên nhanh và hiệu quả”, bất kỳ lúc nào học viên gặp khó khăn về giờ học, lịch học hay các vấn đề khác, đều được cán bộ quản lý lớp giải quyết rất hiệu quả.

Bảng 6: Đối với nhân viên phục vụ

	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Cán bộ, nhân viên ở các phòng ban (quản lý đào tạo, hành chính, tài chính, công tác chính trị...) nhiệt tình, vui vẻ, tôn trọng sinh viên	4,32	0,875
Cán bộ quản lý giải quyết các vấn đề của sinh viên nhanh và hiệu quả	4,43	0,890
Nhân viên giải đáp thắc mắc tận tình	4,20	0,940
Các khiếu nại của học viên được nhà trường giải quyết một cách thỏa đáng	4,16	0,981
Nhân viên thể hiện sự quan tâm đến cá nhân bạn	4,20	0,973
Có vấn học tập có thái độ niềm nở, quan tâm, nhiệt tình giúp đỡ học viên.	4,37	0,900

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu

Bộ GD và ĐT luôn xem xét các trường đại học, cao đẳng công lập và NCL bình đẳng như nhau, không có sự phân biệt đối xử trong tất cả cơ chế, chính sách. Các trường NCL đã đóng góp rất lớn trong công tác đào tạo nguồn nhân lực từ khi đất nước bắt đầu công cuộc đổi mới.

2.2 Những điểm yếu

Chương trình đào tạo còn nặng với thời lượng lớn từ 143- 145 TC. Nếu qui đổi, thời gian học 4 năm là 2.000 giờ, trong khi đó các trường đại học ở Hoa Kỳ khoảng 1.400 giờ. Thời gian đào tạo dài như vậy, nên người học khó tránh khỏi việc rơi vào trạng thái luôn bị áp lực hoàn thành các chương trình đào tạo, ít có thời gian để tự học, tự nghiên cứu, hoặc tham gia các hoạt động xã hội khác.

Nội dung kiến thức đào tạo vẫn còn thiên về lý thuyết, ít về thực hành, chưa tạo được sự thống nhất gắn mục tiêu giáo dục với mục tiêu tìm kiếm việc làm đối với người học. Vì vậy, sau khi học xong, sinh viên phải mất thời gian dài mới đạt các tiêu chí vào làm việc.

2.3 Các vấn đề đặt ra đối với đại học tư thục vùng ĐBSCL

Thứ nhất, mặc dù các trường tư thục vùng đã trải qua hơn 5 - 10 năm hình thành và phát triển nhưng nhận thức của xã hội và các cấp quản lý chưa rõ ràng thậm chí chưa đầy đủ về vai trò vị trí và tính chất của các trường tư thục. Do có một thực tế rằng, hiện vẫn còn có địa phương tuyển dụng nhân sự nhưng không tuyển cử nhân tốt nghiệp trường tư thục, điều này khiến tư duy xã hội mặc định rằng, học trường tư thục thì rất khó xin việc.

Thứ hai, xã hội yêu cầu cao nhưng chưa đủ nguồn lực và điều kiện để thực hiện. Bởi lẽ, mấy năm trở lại đây khi tuyển sinh nhiều trường công lập top cao vẫn nhận sinh viên từ điểm sàn. Thử hỏi, cơ hội nào cho các trường tư thục tồn tại và phát triển.

Thứ ba, khó khăn trong vấn đề “mở ngành”. Các trường tư thục tự chủ từ A - Z nhưng lại không được tự chủ về vấn đề “mở ngành”.

Thứ tư, mâu thuẫn giữa việc đảm bảo chất lượng đòi hỏi đầu tư lớn trong khi học phí không thể tăng cao. Bình quân thu nhập thấp, khả năng chịu đựng học phí cao của các gia đình là rất hạn chế.

Thứ năm, về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học đại học, nhìn chung chưa rõ là nghiên cứu hay ứng dụng. Chưa tiếp cận với các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học đại học theo định hướng ứng dụng nghề nghiệp, phổ biến của thế giới. Nhằm mục tiêu “*nhấn mạnh đến kỹ năng xử lý vấn đề đặt ra trong cuộc sống hơn là tập trung vào việc làm đầy kiến thức đã có sẵn*”, việc áp dụng các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học của các trường đại học trên thế giới thường rất linh hoạt, dựa trên tinh thần đề cao vai trò của người học, tạo điều kiện tối đa cho người học có thể tự học, tự nghiên cứu theo định hướng ứng dụng nghề nghiệp.

3. Khái quát một vài mô hình đào tạo trên thế giới

3.1 Mô hình đào tạo CO-OP của Hoa Kỳ

Co-op là mô hình đào tạo theo định hướng ứng dụng nghề nghiệp rất nổi tiếng của Hoa Kỳ. Mô hình này được nhiều trường Đại học Hoa Kỳ áp dụng từ những năm 70 của thế kỷ trước cho đến nay. Chương trình Co-op cung cấp kinh nghiệm làm việc chuyên nghiệp cho sinh viên ngay từ khi còn học ở trường đại học, tạo cho họ cơ hội để sinh viên tiếp cận nghề nghiệp trước khi họ gia nhập lực lượng lao động của xã hội.

Các trường đại học theo mô hình này thường liên kết với hàng trăm doanh nghiệp, các hãng sản xuất, thương mại và dịch vụ trong và ngoài nước để cùng tham gia vào quá trình đào tạo của nhà trường. Theo mô hình này, năm đầu tiên của quá trình học đại học, sinh viên học tập tại trường. Bắt đầu từ năm thứ hai là sinh viên được tham gia Co-op, theo đó, cứ sau một học kỳ học ở trường, sinh viên lại có một học kỳ làm việc tại doanh nghiệp. Khi làm việc tại doanh nghiệp, sinh viên được doanh nghiệp xem như nhân viên thực thụ của công ty, được trả lương và tham gia hầu như tất cả mọi hoạt động của doanh nghiệp như một nhân viên chính thức. Sinh viên được các chuyên gia hướng dẫn thực hành tại doanh nghiệp kèm cặp hướng dẫn từ những công việc đơn giản nhất như sắp xếp hồ sơ, cách viết một báo cáo công việc đến các kỹ năng nghề nghiệp cũng như tìm hiểu văn hóa công ty. Các chuyên gia hướng dẫn thực hành cho SV thường cũng đồng thời tham gia giảng dạy một số chuyên đề hoặc báo cáo thực tiễn tại nhà trường.

Ngược lại, hầu hết các giảng viên của trường đều tham gia làm việc bán thời gian hoặc tư vấn cho các doanh nghiệp hợp tác. Các doanh nghiệp còn được mời tham gia xây dựng chuẩn đầu ra và xây dựng chương trình đào tạo cho các chuyên ngành đào tạo của trường.

Nhờ gắn kết chặt chẽ với nhà tuyển dụng, nên sinh viên tốt nghiệp các trường theo mô hình Co-op của Hoa Kỳ thường rất dễ xin việc làm. Nhiều sinh viên khi tốt nghiệp ra trường đã có CV (lý lịch) rất tốt để ứng tuyển vào các công ty hàng đầu thế giới vì sinh viên đã có trải nghiệm công việc ở những công ty này ngay trong quá trình đào tạo của nhà trường.

Hiện nay, đã có hàng trăm trường Đại học của Hoa Kỳ áp dụng mô hình này. Vì tính hấp dẫn của nó nên mô hình này đã thu hút rất nhiều sinh viên theo học không những ở Hoa Kỳ mà còn ở nhiều nước trên thế giới ngay cả Châu Âu, Châu Á.

3.2 Mô hình đào tạo POHE của Châu Âu

Một số nước Châu Âu mà tiêu biểu là Hà Lan, Đức, Phần Lan,... đã xây dựng một mô hình đào tạo đại học theo chuẩn quốc tế, gắn với thế giới việc làm, để áp dụng cho các trường đào tạo theo định hướng ứng dụng gọi là POHE (Professtion Oriented Higher Education). Mô hình này đã thực sự mang lại hiệu quả và phát triển rất nhanh trong những năm gần đây.

4. Các đặc trưng căn bản của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu ứng dụng (POHE)

4.1 Đào tạo mở và dựa vào năng lực

Để chuẩn bị cho sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường có khả năng đảm trách ở các vị trí công việc liên quan tới ngành được đào tạo một cách thành công, bước đầu tiên trong quá trình đào tạo là phân tích nhu cầu của thị trường lao động. Tiếp cận POHE bắt đầu việc đó bằng việc tạo lập mối quan hệ giữa cơ sở đào tạo với các cơ sở sử dụng lao động, thông qua điều tra thị trường lao động để xác định nhu cầu về nhân lực cho từng ngành nghề cụ thể.

Phương pháp học dựa vào năng lực có ba thành phần cơ bản: + kiến thức + kỹ năng + thái độ nghề nghiệp. Nếu như ở các hệ thống giáo dục đại học truyền thống, việc học tập chủ yếu dựa vào thu nhận kiến thức thì tiếp cận POHE tập trung vào việc đào tạo sinh viên có được những năng lực cần thiết cho một ngành nghề cụ thể.

4.2 Xác định phẩm chất nghề nghiệp của sinh viên POHE rõ ràng

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự biến động trong phát triển kinh tế đang xảy ra mạnh mẽ, sinh viên POHE được trang bị những phẩm chất nghề nghiệp cần thiết để hoàn thành các nhiệm vụ và trách nhiệm được giao.

4.3 Nghề nghiệp có tính thích ứng và phổ rộng

Chương trình POHE được thiết kế theo cách thức nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cập nhật nhất dựa vào những kết quả nghiên cứu, các công nghệ và tiến bộ kỹ thuật tiên tiến nhất trên thế giới.

4.4 Ứng dụng khoa học kỹ thuật vào thực tiễn

Khả năng triển khai các nghiên cứu ứng dụng trong phạm vi chuyên môn của mình là một trong những năng lực của sinh viên POHE. Sinh viên tốt nghiệp chương trình POHE có khả năng tích hợp kiến thức, kỹ năng và thái độ để hoàn thành tốt công việc chuyên môn. Bên cạnh các năng lực chuyên môn họ còn được trang bị các kỹ năng “mềm” để có thể xử lý các tình huống phức tạp trong công việc.

4.5 Chuyển giao công nghệ, tính sáng tạo trong hành động và khả năng giải quyết vấn đề

Ứng dụng kiến thức và kỹ năng trong các tình huống nghề nghiệp khác nhau được thể hiện rất rõ trong bất cứ hồ sơ năng lực nào của các chương trình đào tạo POHE. Phương pháp học tập thông qua làm đồ án được áp dụng rộng rãi trong các chương trình đào tạo POHE, giúp sinh viên có khả năng sử dụng các chiến lược giải quyết vấn đề khác nhau trong các tình huống nghề nghiệp khác nhau. Giải quyết vấn đề là một trong những phương pháp giảng dạy chủ yếu áp dụng để đào tạo sinh viên POHE - những người có khả năng xác định và phân tích các vấn đề phức tạp trong tình huống nghề nghiệp sử dụng các giải pháp chiến lược khác nhau.

4.6 Kết hợp các phương pháp sư phạm

Trong tiếp cận đào tạo POHE, cách học tập như trên chỉ là một phần của toàn bộ quá trình học tập. Lúc này, “tam giác” được cập nhật: giảng viên sẽ trở thành người hướng dẫn hay người huấn luyện, sinh viên khi đó trở thành người học, và nội dung được thay thế bằng các năng lực. Đó là tiếp cận năng lực. Khả năng của sinh viên được hoàn thiện khi đạt được các năng lực đó. Chuyển giao kiến thức được mở rộng nhờ áp dụng một loạt các phương pháp khác nhau. Việc đào tạo kỹ năng và phát triển ý thức làm cho quá trình học tập phức tạp hơn. Thiết lập một quá trình giảng dạy phức tạp như vậy chủ yếu được thực hiện tại các bối cảnh học tập khác nhau, trong đó các môn học được thay thế bằng các mô-đun.

4.7 Đánh giá kết quả học tập của sinh viên dựa vào năng lực

Đánh giá sinh viên trong chương trình POHE thường phức tạp hơn trong mô hình đào tạo truyền thống. Học tập dựa vào năng lực đòi hỏi đánh giá phải dựa vào năng lực. Đó là lượng kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp sinh viên cần tích lũy đủ với số lượng tín chỉ yêu cầu. Người đánh giá trong chương trình POHE cũng có thể là chuyên gia từ thị trường lao động,

sinh viên (phương pháp đánh giá chéo) phụ thuộc vào phương pháp giảng dạy áp dụng. Sự tham gia của thế giới nghề nghiệp vào việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên là rất quan trọng trong việc đào tạo kỹ năng (đồ án, thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp, nghiên cứu ứng dụng...). Sinh viên tham gia vào đánh giá (dưới hình thức tự đánh giá, đánh giá chéo) là cần thiết khi áp dụng các hình thức học tập theo nhóm, phản hồi từ các đợt thực tập nghề nghiệp, đồ án và thực hành trên thực địa. Ngoài phương pháp đánh giá dựa vào sản phẩm (hay còn gọi là đánh giá tổng kết), thì đánh giá quá trình học tập rất phổ biến ở các chương trình POHE.

5. Sự khác biệt giữa đào tạo POHE với đào tạo truyền thống ở Việt Nam

Từ những đặc điểm đề cập ở trên về đào tạo theo tiếp cận POHE và giáo dục đại học truyền thống đang phổ biến ở Việt Nam hiện nay, có thể chỉ ra những khác biệt xuyên suốt quá trình xây dựng, triển khai và quản lý các chương trình đào tạo ở cấp trường và cấp hệ thống.

Bảng 7: So sánh những điểm khác biệt giữa tiếp cận POHE và tiếp cận truyền thống ở Việt Nam

Tiêu chí	Chương trình đào tạo POHE	Chương trình đào tạo truyền thống
Tiếp cận giáo dục	Định hướng đầu ra	Định hướng đầu vào
Phương pháp sư phạm	Tiếp cận năng lực	Tiếp cận nội dung
Trung tâm của quá trình dạy học	Sinh viên	Giảng viên
Sự tham gia của nhà tuyển dụng vào quá trình đào tạo	Bắt buộc	Không bắt buộc
Xây dựng chương trình đào tạo	Dựa vào nhu cầu của thế giới nghề nghiệp, có sự tham gia của nhà tuyển dụng	Không dựa vào nhu cầu của nhà tuyển dụng, không kết nối với thế giới nghề nghiệp
Xác định mục tiêu học tập, chuẩn đầu ra	Dựa vào hồ sơ năng lực là kết quả khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng	Do nhà trường xây dựng, không dựa vào kết quả khảo sát thế giới nghề nghiệp
Phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập	Dựa vào năng lực, có sự tham gia thường xuyên của thế giới nghề nghiệp	Dựa vào truyền thụ kiến thức, không có sự tham gia thường xuyên của thế giới nghề nghiệp
Tổ chức đơn vị học tập trong chương trình đào tạo	Được tổ chức thành mô-đun có tính tích hợp cao, thích hợp cho hình thành năng lực nghề nghiệp	Được chia nhỏ thành học phần riêng biệt mang tính đơn ngành, ít kết nối với nhau
Chương trình đào tạo	Mở, linh hoạt và luôn được cập nhật với thay đổi của thị trường lao động	Cứng nhắc, ít thay đổi, được chuẩn hóa thành khung chương trình cho các nhóm ngành đào tạo

6. Mô hình POHE đã được ứng dụng một số trường đại học tại Việt Nam

Trong khuôn khổ Hiệp định hợp tác Giáo dục Đào tạo giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Hà Lan. Năm 2005, Chính phủ Hà Lan đã tài trợ cho Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam một dự án ODA với tên gọi là dự án phát triển đào tạo định hướng nghề nghiệp - ứng dụng (Profession - Oriented Higher Education - POHE).

Giai đoạn 1 của dự án đã được triển khai với sự tham gia của 8 trường Đại học Việt Nam với sự giúp đỡ của các chuyên gia giáo dục Hà Lan đến từ Trường Đại học Saxion (chủ trì), Trường Đại học Van Hall Larenstein, Trường Đại học Amsterdam và Tổ chức Đào tạo & Tư vấn MDF. Các chương trình POHE tại Học viện tập trung mạnh mẽ vào thực hành nghề nghiệp trong cả nhiệm vụ đào tạo và nhiệm vụ nghiên cứu. Các chương trình đào tạo POHE chủ yếu là phục vụ thị trường lao động địa phương, nhưng cũng có thể là thị trường lao động nội địa và quốc tế.

Với mục tiêu là đào tạo sinh viên, sau khi tốt nghiệp, có khả năng làm việc được ngay trong môi trường làm việc chuyên nghiệp. Chất lượng của chương trình đáp ứng các yêu cầu của ngành theo quy định của nền giáo dục đại học quốc gia (và quốc tế) và thực tiễn nghề nghiệp. Chất lượng của các chương trình đại học POHE đáp ứng các tiêu chuẩn chung, được quốc tế công nhận bằng đại học.

Chương trình giáo dục Đại học theo định hướng nghề nghiệp được bắt đầu vào đầu năm 2005 với mục tiêu nâng cao năng lực nghề nghiệp của sinh viên bằng cách xây dựng các chương trình đào tạo lấy nhu cầu của thị trường lao động làm trung tâm. Dự án này có mục tiêu chính là thực hiện chính sách mang tính đột phá “*đào tạo theo nhu cầu xã hội*”. Vì vậy, Chương trình đào tạo POHE mang lại rất nhiều lợi ích vượt trội cho người học như sau:

- Được định hướng nghề nghiệp sớm;
- Tăng cơ hội tìm kiếm việc làm;
- Có cơ hội trải nghiệm thực tế tại các cơ quan, doanh nghiệp thông qua việc đi điều tra thực địa, thực tập nghề nghiệp tại cơ sở, làm đồ án sinh viên, thực tập tốt nghiệp;
- Được trang bị đầy đủ các kiến thức chuyên môn, các kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết;
- Được trang bị các kỹ năng mềm bao gồm: Kỹ năng giao tiếp; Kỹ năng xác định và giải quyết vấn đề; Kỹ năng ra quyết định; Kỹ năng làm việc theo nhóm, làm việc độc lập; Năng lực lãnh đạo; Tính năng động, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

Theo báo cáo của 8 trường Đại học đã áp dụng thí điểm mô hình POHE trong 10 năm qua, cho thấy đã xây dựng được hơn 50 chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng, trong đó có tới 39 chương trình xây dựng mới hoàn toàn. Số lượng sinh viên theo học chương trình đào tạo POHE ở 8 trường ĐH tham gia trong giai đoạn từ 2007-2016 là trên 12.000 sinh viên. Trong đó, đến nay đã có 4.833 sinh viên tốt nghiệp. Kết quả khảo sát thời gian tìm việc làm đầu tiên của cựu sinh viên POHE tốt nghiệp trong hai năm. 2014, 2015 cho thấy tỷ lệ cựu sinh viên đang có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo là trên 80%. Cộng đồng doanh nghiệp được khảo sát đánh giá cao chất lượng sinh viên tốt nghiệp các chương trình POHE, đặc biệt là khả năng thích ứng công việc và thái độ nghề nghiệp.

7. Gợi mở các bước chuẩn bị để chuyển sang mô hình đào tạo theo mô hình POHE

7.1 Cơ sở để chuyển sang mô hình POHE

- Trên thế giới đã có nhiều trường thành công như đã trình bày ở trên.
- Mô hình POHE đã được kiểm chứng áp dụng khá thành công tại các trường, học viện tham gia dự án POHE giai đoạn 1 và giai đoạn 2 vừa qua ở Việt Nam.
- Việc áp dụng mô hình POHE sẽ rất thuận lợi vì đã có sẵn format của các trường tham gia dự án như: Quy trình xây dựng chuẩn đầu ra; Quy trình xây dựng và phát triển chương trình đào tạo; Mô hình liên kết hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp; Đào tạo đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý chương trình; Cơ chế quản lý tài chính của chương trình.
- Các trường đại học tư thục, với kinh nghiệm trên 10 năm xây dựng và phát triển, thì đã có đủ nội lực để chuyển đổi.

7.2 Các bước khi chuyển đổi sang mô hình POHE

Một là: Thay đổi thói quen và tập quán xây dựng chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo. Nếu theo cách tiếp cận POHE, việc xây dựng chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo sẽ tốn rất nhiều thời gian và công sức. Trước tiên là phải khảo sát nhu cầu của doanh nghiệp để xây dựng hồ sơ năng lực nghề nghiệp cho sinh viên (sinh viên tốt nghiệp ra trường sẽ làm việc ở đâu, vị trí nào, đảm nhận được những công việc gì?...) sau đó mới xây dựng chuẩn đầu ra, hội thảo với doanh nghiệp và đội ngũ giảng viên, các nhà khoa học, xây dựng khung chương trình, cơ cấu kiến thức, đề cương chi tiết từng học phần, phương pháp giảng dạy và đánh giá,...

Hai là: Khi tiếp cận theo POHE sẽ thoát ly khỏi chương trình khung các ngành do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố. Tất cả các môn học và nội dung của từng môn học đều phải được chứng minh có tích hợp hình thành chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo mới được đưa vào chương trình. Học phần nào không có cơ sở để chứng minh có tích hợp hình thành chuẩn đầu ra đều bị loại bỏ. Như vậy sẽ có thể có hàng loạt học phần trong chương trình truyền thống bị loại bỏ khỏi chương trình theo định hướng POHE.

Ba là: Vì chương trình đào tạo sẽ thay đổi rất nhiều so với chương trình truyền thống nên các Khoa và Bộ môn sẽ phải đầu tư rất nhiều công sức để biên soạn lại giáo trình, tài liệu học tập.

Bốn là: Phải xây dựng được đội ngũ giảng viên có đủ năng lực nghề nghiệp thực tế để giảng dạy và hướng dẫn thực hành cho sinh viên. Đây là công việc khó khăn nhất khi triển khai mô hình này. Áp dụng cách tiếp cận POHE, đội ngũ giảng viên phải được đào tạo lại và phải đi làm thực tế tại doanh nghiệp để có trải nghiệm nghề nghiệp.

Năm là: Việc áp dụng mô hình POHE, bên cạnh việc cho sinh viên đi thực tế tại doanh nghiệp, bản thân nhà trường phải đầu tư cơ sở thực hành thực tập cho sinh viên như phòng mô phỏng, phần mềm quản lý, phương tiện nghe nhìn hiện đại.

Sáu là: Phải xây dựng được mối quan hệ liên kết hợp tác tốt với cộng đồng doanh nghiệp để các doanh nghiệp tích cực hợp tác, hỗ trợ đào tạo của nhà trường. Theo kinh nghiệm của các trường trong dự án POHE, mỗi chương trình đào tạo cần có ít nhất 30-50 doanh nghiệp hợp tác.

Các doanh nghiệp hợp tác cũng cần có đủ năng lực tham gia chương trình như quy mô doanh nghiệp, tính chuyên nghiệp trong quản lý, thâm niên hoạt động, phạm vi hoạt động; đội ngũ chuyên gia.

Bảy là: Phải có nguồn lực tài chính đủ mạnh đáp ứng yêu cầu của chương trình. Khi phát triển một chương trình đào tạo theo mô hình POHE, nhà trường cần phải đầu tư nhiều loại chi phí cao hơn hẳn đối với chương trình truyền thống.

Tám là: các ngành của các trường tư thục, có thể chuyển sang đào tạo theo POHE sau đây: CNTT, Ngôn ngữ Anh, Tài chính, Ngân hàng, Kế toán, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Luật kinh tế,...

8. Một số kiến nghị

Đề góp phần giúp các trường Tư thục Vùng khắc phục các khó khăn, kiến nghị một số giải pháp như sau:

Thứ nhất, đề xuất Thủ tướng Chính phủ xem xét điều chỉnh quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng trong cả nước vừa phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực quốc gia, của từng địa phương vừa phù hợp với sứ mạng của từng trường;

Thứ hai, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần trao quyền tự chủ đầy đủ cho tất cả các trường đại học, cao đẳng (không phân biệt công lập hay tư thục) cùng cạnh tranh lành mạnh để phát triển;

Thứ ba, cần có các chính sách ưu đãi đối với các cơ sở giáo dục đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận;

Thứ tư, Nhà nước cần có cơ chế chính sách cho vay đối với người học tư thục bằng cách tính lãi suất chỉ nên ở 1-2% (hiện nay đang là 6-7%) để những gia đình khó khăn mới có thể cho con đi học, qua đó tạo điều kiện tăng nguồn tuyển sinh cho các cơ sở này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Chính phủ, Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020.
- [2] Vũ Quang Việt (2005). *So sánh chương trình giáo dục Đại học Mỹ và Việt Nam, Kỳ yếu Hội thảo khoa học về tổ chức, quản lý giáo dục đại học*, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
- [3] Quốc hội (2012). *Luật Giáo dục đại học năm 2012*.
- [4] Martin Hayden và Lâm Quang Thiệp, (2015). *Tầm nhìn 2020 cho Giáo dục Đại học Việt Nam*, Journal of International Education, 1st Quarter.
- [5] Lê Việt Khuyến, Phát triển giáo dục đại học theo định hướng ứng dụng nghề nghiệp ở Việt Nam - Một số vướng mắc cần tháo gỡ; Website Dự án POHE.
- [6] Nguyễn Thị Mai Phương; Hợp tác trường Đại học và Doanh nghiệp trong giáo dục Đại học theo định hướng ứng dụng nghề nghiệp ở Việt Nam, Báo cáo nghiên cứu số 11- Dự án POHE.